

Giác ngộ giải thoát

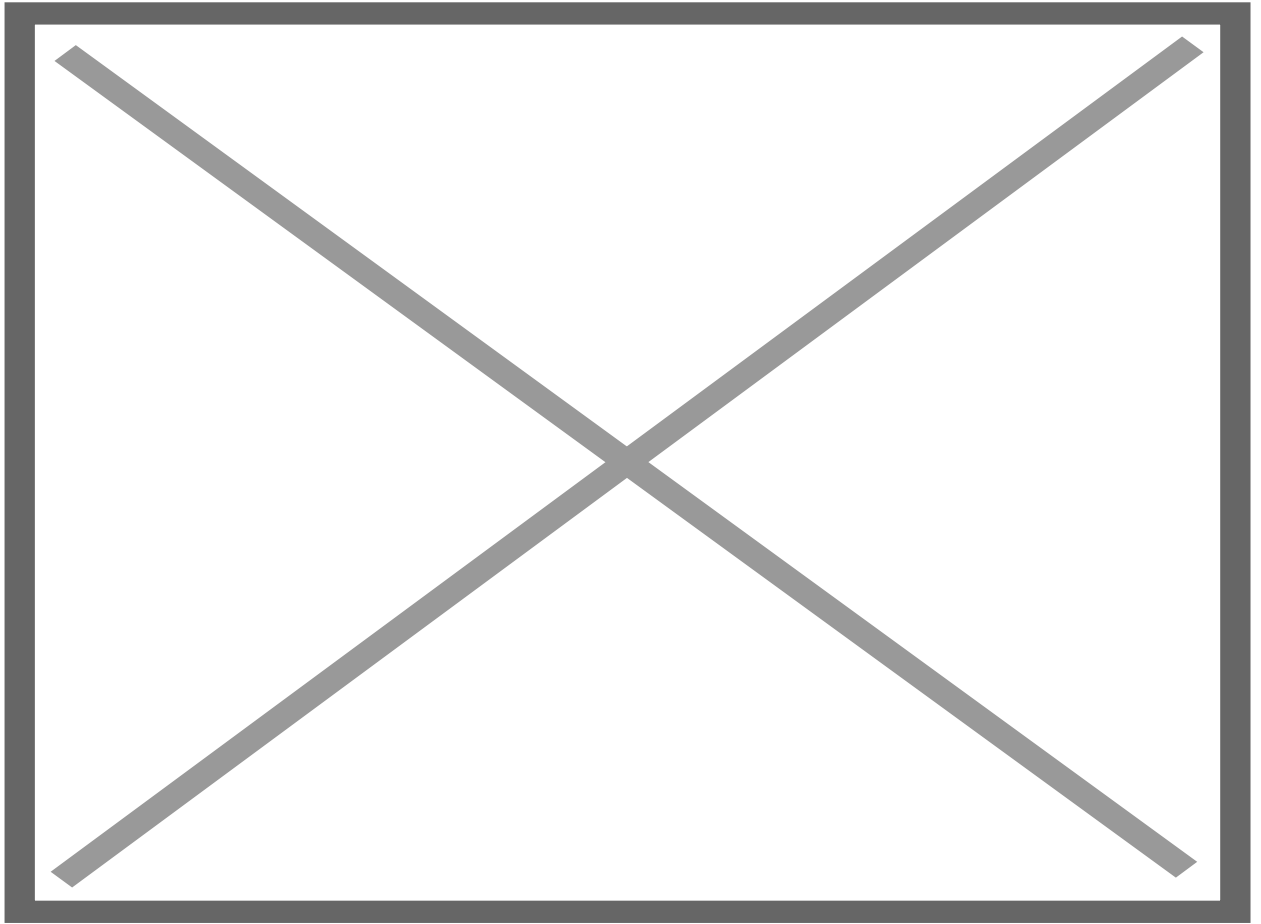
ISSN: 2734-9195 20:29 12/05/2024

Giác ngộ cũng tức là giải thoát. Giải thoát cái gì ? Giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, điên đảo mộng tưởng, giống như người đang nằm mơ.....

Giác ngộ cũng tức là giải thoát. Giải thoát cái gì ? Giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, điên đảo mộng tưởng, giống như người đang nằm mơ chợt tỉnh dậy, hành giả biết là giấc mơ không có thật, những vui, buồn, giận ghét, hạnh phúc, đau khổ trong giấc mơ chỉ là ảo tưởng, là tưởng tượng chứ không phải thật.

Giác ngộ cũng tức là giải thoát. Giải thoát cái gì ? Giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, điên đảo mộng tưởng, giống như người đang nằm mơ chợt tỉnh dậy, hành giả biết là giấc mơ không có thật, những vui, buồn, giận ghét, hạnh phúc, đau khổ trong giấc mơ chỉ là ảo tưởng, là tưởng tượng chứ không phải thật.

Làm sao để giác ngộ ? Đây là câu hỏi muôn đời của thế nhân. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Shakyamuni, thế danh Siddhartha Gautama- Tất Đạt Đa Cổ Đàm) đã tạo ra hàng vạn pháp môn để giúp cho con người với hàng vạn căn cơ tâm địa rất khác nhau, được giác ngộ tỉnh thức, chấm dứt tất cả mọi đau khổ.



Quá trình nhận thức

Những pháp môn cơ bản nhất mà Phật hướng dẫn

1/ Tứ diệu đế (四) (còn gọi là Tứ thánh đế (四) catvāri āryasatyāni)

Tiếng Anh là Four Noble Truths nghĩa là 4 sự thật cơ bản trích trong bài kinh Chuyển pháp luân gồm:

Khổ đế (四 dukkha): thế gian cơ bản là đau khổ; sinh lão bệnh tử là đau khổ

Tập đế (四 samudaya) : nguyên nhân, nguồn gốc của đau khổ là ái dục, bất cứ ham muốn nào cũng đều dẫn tới đau khổ

Diệt đế (四 nirodha) : từ bỏ ái dục là cách cơ bản để chấm dứt đau khổ

Đạo đế (四 magga) : con đường đoạn trừ ái dục là tu đạo bao gồm bát chính đạo)

Bát chính đạo (八) āryāṣṭāṅgamārga là :

-Chính kiến 正見 samyag-dṛṣṭi là cái thấy đúng thực tế, ví dụ hạt cơ bản có sẵn đặc trưng hay không ? Einstein trả lời Có, câu trả lời đó không phải chính kiến mà chỉ là tà kiến, bởi vì hạt cơ bản vốn không có sẵn đặc trưng đúng như kinh điển nói: Nhất thiết pháp vô tự tính nghĩa là tất cả các pháp đều không tự có đặc trưng đặc điểm.

-Chính tư duy 正思 samyak-saṃkalpa: Không có chính kiến thì không thể có chính tư duy được bởi vì cái thấy đã lệch lạc ngay từ gốc, chẳng hạn người đời đều thấy thế gian là có thật, vật chất là có thật, không biết đó chỉ là mộng tưởng huyền ảo nên không thể có chính tư duy, phải hành thâm bát nhã như Quán tự tại Bồ Tát mới có chính tư duy.

-Chính ngữ 正語 samyag-vāc : Lời nói đúng, phải thấy rằng mọi lời nói ra đều không có nghĩa thật, mọi lời nói ra đều chỉ là phương tiện, không phải chân lý nên không được cố chấp. Chính ngữ là phương tiện thích hợp để dẫn dắt người mê, ví dụ ngón tay chỉ Mặt trăng, kinh điển Phật giáo là lời chỉ dẫn về hướng sự thật, kinh điển chỉ là phương tiện chứ không phải là chân lý.

-Chính nghiệp 正業 samyak-karmānta : Nghiệp cũng chỉ là tâm niệm nên chính nghiệp là tùy duyên để hành xử cho phù hợp với hoàn cảnh. Chẳng hạn Đức Phật ra đời là để hướng dẫn chúng sinh con đường giải thoát chứ không phải để làm vua, nên chính nghiệp của Đức Phật là tự giác giác tha (tự mình giác ngộ và giúp người khác giác ngộ). Còn chính nghiệp của mỗi cá nhân thì tùy tâm nguyện của mỗi người.

Chính nghiệp của vua A Dục là thống trị thiên hạ, nhưng sau khi đã chinh phục thiên hạ thì lại hồi tâm, quy y Phật pháp từ đó giúp cho Đạo Phật phát triển rộng khắp. Vậy chính nghiệp của vua A Dục là phát triển Phật pháp. Nói chung chính nghiệp của mỗi người mỗi khác không giống nhau.

-Chính mạng 正命 samyag-ājīva : tôn trọng sinh mạng của chúng sinh, không sát sinh hại vật, hại người là giữ cho đời sống của mình được an lành, đó là chính mạng

-Chính tinh tấn 正勤 samyag-vyāyāma : Thực hành tứ niệm xứ quán thân, thọ, tâm, pháp tới mức thấy ngũ uẩn giai không mới có thể đạt tới giác ngộ giải thoát. Chính tinh tấn là phải quán cho tới thấy được tính không, nếu không thấy tính không thì tinh tấn mấy cũng là thất bại không thể giác ngộ.

-Chính niệm 正念 samyak-smṛti : Lục Tổ Huệ Năng dạy : Vô niệm niệm tức chính, hữu niệm niệm thành tà nghĩa là cái niệm vô niệm mới là chính. Niệm vô niệm là thấy, cảm nhận được tất cả mọi thứ nhưng không cho rằng đó là thật, không

chấp thật.

Còn niệm hữu niệm là thấy tất cả mọi pháp đều là thật, tin là có thật, tâm niệm chấp thật bất cứ là về việc gì đều là tà. Chính vì vậy trong Kinh Kim Cang phẩm 21 Phật nói với Tu Bồ Đề : “”

”

”

“Này Tu-bồ-đề! Ông chớ bảo Như Lai có làm ra niệm này, rằng ta có thuyết pháp, đừng nghĩ thế” “Tại sao thế” “Nếu có ai nói rằng Như Lai có thuyết pháp là phỉ báng Phật, là không hiểu vì sao ta thuyết pháp. Này Tu Bồ Đề, không có pháp để thuyết mới là thuyết pháp”

-Chính định samyak-samādhī : Là nhận ra bản tâm vô sinh pháp nhẫn, bất nhị bất biến. Đó là chính định, giác ngộ giải thoát. Vô sở trụ không còn bị vướng mắc vào không gian, thời gian, số lượng.

2/ Tứ niệm xứ smṛtyupasthāna còn gọi là Tứ niệm trụ

Là 4 phép quán trích từ kinh A Hàm : Nó đề cập đến việc thiết lập nhận thức liên tục và ổn định từ bốn khía cạnh “*thân thể*”, “*cảm giác*”, “*tâm trí*” và “*pháp*”. Đó là quán sát thân (thân thể), thọ (cảm giác), tâm (tâm niệm), và pháp (vạn vật) và cả những thành phần sau đây :

a/Ngũ cái (5 thứ che lấp) :

Tham dục cái ra^ga-a^varan!a, lòng ham muốn chấp trước cảnh giới của ngũ dục từ đó che mờ bản tâm. Sân khuể cái pratigha-a^varan!a lòng thù hận do bất đồng, người khác không nghe theo mình thì tức giận. Hôn trầm thù miên cái styana-middha-a^varan!a sự mê mờ giống như ngủ mê khiến cho tâm trí mê muội, thân thể nặng nề.

Trạo cử ác tác cái audhatya-kaukr!tya-a^va-ran!a lòng ham vui tiếu nuối quá khứ khiến tâm xao động bị che mờ, thiền định bị ảnh hưởng không thể tinh tiến, không có chính kiến, bị tà kiến sai sử.

Nghi cái vicikitsa^-a^varan!a lòng nghi ngờ nhưng đây không phải chính nghi mà chỉ là nghi ngờ xằng bậy không phân biệt được thật giả, chính tà, nên do dự không quả quyết thực hành thiền định nghiêm túc. Năm thứ che lấp đó gọi chung là ngũ cái gây trở ngại cho sự giác ngộ khám phá bản tâm.

b/Ngũ uẩn pañca-skandha là 5 tập hợp :

Tạo thành cái ta của chúng sinh của con người, gồm có :

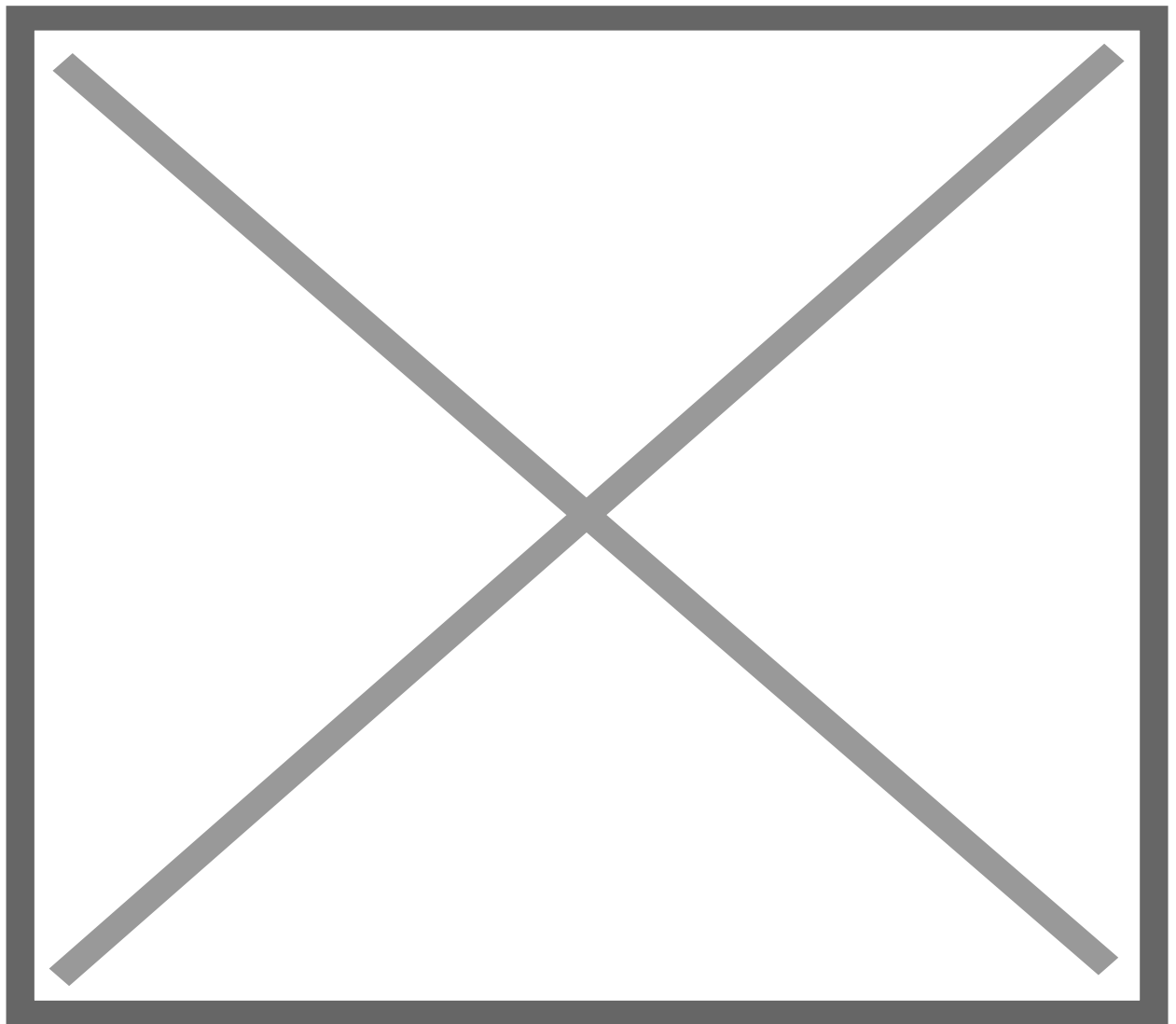
-Sắc □ rūpa : vật chất, phần hữu hình của ngũ uẩn.

-Thọ □ vedanā : cảm giác, thông tin do thân thể tiếp xúc với bên ngoài và cả bên trong cơ thể thể hiện bằng dòng điện tín hiệu.

-Tưởng □ saṃjñā : tưởng tượng, suy nghĩ, thông tin của 5 giác quan được bộ não tiếp thu và xử lý, phân biệt thành tưởng uẩn

-Hành □ saṃskāra : chuyển động, di chuyển, hoạt động, vật chất hiện hữu là do chuyển động, cảm giác, suy tưởng cũng đều là do hoạt động của cả 5 uẩn

-Thức □ vijñāna : phân biệt, nhận thức, sự hoạt động phối hợp của 5 uẩn đem lại khả năng phân biệt, nhận thức của con người về bản thân và thế giới chung quanh. Bản thân tức là ngã □ , thế giới chung quanh tức là pháp giới □□ Dharmadhātu



c/ Mười tám giới 𑖀𑖩𑖪 Astādaśa dhātavah :

Đây là 18 cảnh giới do ngũ uẩn ngã tạo ra, bao gồm :

-Lục căn 𑖀𑖩 Sadāyatana : 6 cơ quan cảm giác của con người gồm : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể, bộ não

-Lục trần 𑖀𑖩 ṣaḍbāhyāyatana (six gunas) : 6 đối tượng của 6 giác quan trên gồm : sắc (vật chất), thanh (âm thanh), hương (mùi thơm, thúí), vị (cảm giác của lưỡi : ngọt, mặn, cay, đắng, chua...), xúc (cảm giác do tiếp xúc của thân thể : trơn, nhám, êm, rát, nóng, lạnh...), pháp (nhận thức, phân biệt tổng hợp của não bao gồm tất cả mọi cảm giác, tâm niệm, tư tưởng)

-Lục thức 𑖀𑖩 ṣaḍ-vijñāna : lục căn tiếp xúc với lục trần phát sinh ra lục thức là 6 loại nhận thức gồm : thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm giác của thân thể, nhận thức tổng hợp của bộ não.

d/Thất giác chi 𑖀𑖩𑖪 (chi 𑖀 āṅga là nhánh , bộ phận).

Thất giác chi là 7 thành phần của giác ngộ trong Phật pháp.

-Niệm giác chi 𑖀𑖩𑖪 là tâm niệm giác ngộ, loại bỏ tạp niệm, duy trì chính niệm

-Trạch pháp giác chi 𑖀𑖩𑖪𑖪 là lựa chọn pháp môn để tu tập, lấy chân bỏ ngụy, lấy chính bỏ tà

-Tinh tấn giác chi 𑖀𑖩𑖪𑖪 sau khi đã chọn được pháp môn thích hợp thì nỗ lực tu hành để đi đến giác ngộ

-Hỷ giác chi 𑖀𑖩𑖪𑖪 kết quả tu tập là tâm luôn được vui tươi hoan hỷ

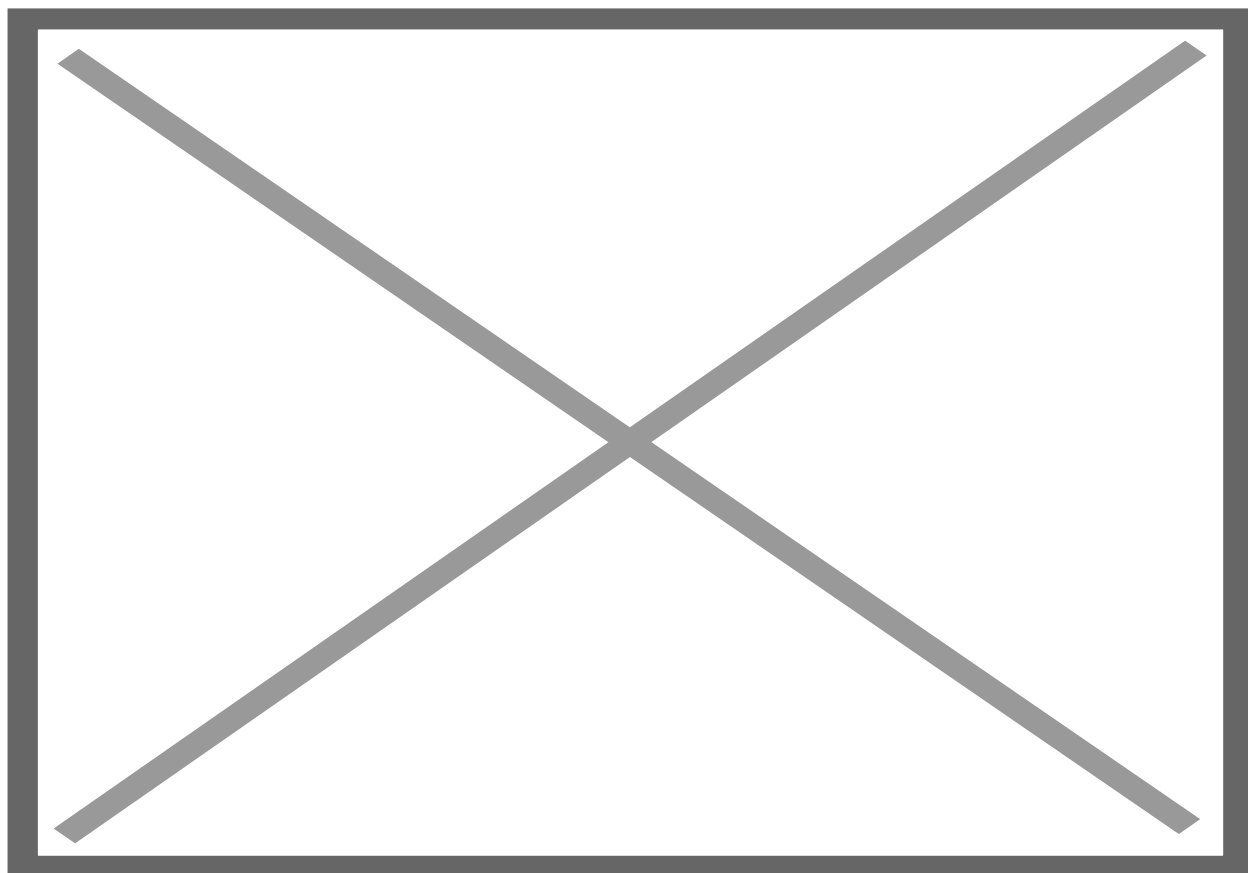
-Khinh an giác chi 𑖀𑖩𑖪𑖪𑖪 tâm và thân luôn được nhẹ nhàng an lạc

-Định giác chi 𑖀𑖩𑖪𑖪𑖪 tâm thân được an thì dẫn đến tâm định không còn điên đảo mộng tưởng

-Hành xả giác chi 𑖀𑖩𑖪𑖪𑖪𑖪 tâm định thì sáng suốt thấu hiểu, buông bỏ chấp trước, tà kiến, phiền não, khám phá bản tâm bất nhị tức là giác ngộ

Tứ diệu đế, Tứ niệm xứ, Thất giác chi, 18 giới, Ngũ uẩn giai không là quá trình nhận thức để hiểu rõ sự sinh diệt , khổ, vui, ngũ uẩn ngã, đều là ảo hóa, vô thường, không phải chân thật. Thấu rõ bản chất của tất cả các pháp đều là không, thì biết rằng tất cả chỉ là ảo hóa, tạm bợ thì mới giải thoát tất cả mọi khổ đau, như kinh Bát Nhã nói:

Độ nhất thiết khổ ách. Vì biết rằng tất cả đều là do tâm tạo, tâm tưởng tượng ra, không phải có thật, tâm không tạo thì cái gì cũng không có : không có không gian thời gian, không có vật chất vũ trụ vạn vật, không có số lượng nhiều ít, xa gần, lớn nhỏ, không có Phật, không có chúng sinh, không có pháp, không có khổ vui.



Kết quả tu hành quán tưởng tham thiên

Hành giả quán tứ niệm xứ (thân, thọ, tâm, pháp) có đạt tới kết quả thấy được tất cả chỉ là không (emptiness) hay không ? Nếu không thấy được tính không của tất cả các pháp thì không có kết quả, không thể giác ngộ, không thể giải thoát. Nếu chỉ nắm được các khái niệm mà tôi đã nêu ra một lô một lốc kể trên, dù cho có thuộc nằm lòng, có thể thuyết giảng thao thao bất tuyệt nhưng không thực sự thấy được tính không cũng chỉ là vô ích không thể giác ngộ, giải thoát.

Tín đồ theo Đạo Phật trên thế giới có rất đông, có thể lên tới một tỷ người. Nhưng số người giác ngộ giải thoát khám phá được bản tâm vô sinh pháp nhãn là bao nhiêu ? Có thể nói là cực kỳ ít, hầu như không có. Sau khi hòa thượng Nguyệt Khê ở chùa Vạn Phật Hong Kong kiến tính để lại nhục thân bất hoại vào năm 1965, từ đó đến nay không nghe nói ai kiến tính nữa.

Chúng ta vẫn nghe thấy các vị danh tăng viên tịch đều đều nhưng họ có kiến tính hay không thì không ai dám chắc bởi vì không thấy những hành trạng chứng tỏ. Những hành trạng chứng tỏ là thế nào ? Các bậc giác ngộ thời xưa ngộ vô sở trụ đạt được sinh tử tự do. Dưới đây là những thí dụ:

Tam tổ Tăng Xán 三藏 (529-606CN)

Tam Tổ Tăng Xán 三藏 thiền sư, tịch vào năm Tùy Đại Nghiệp thứ hai (606CN) trong triều đại nhà Tùy. Trước khi nhập diệt, Thiền sư Tăng Xán đã từng nói với đại chúng:

“Mọi người đều quý ngời mà tịch cho là chuyện lạ, ta nay đứng mà tịch, thể hiện sinh tử tự do. (Người khác ngời mà nhập diệt xem rất nghiêm túc, choràng ra đi như vậy là chuyện hi hữu khó được, ta thì không như thế, hôm nay ta đứng mà tịch để thị hiện cho đại chúng thấy sinh tử tự do, không câu nệ hình thức). ” Nói xong, ông dùng tay vịn vào cành cây tức thì nhập diệt. Về sau được vua Đường Huyền Tông ban Thụy hiệu là “*Giám Trí Thiền sư* 寂智 ”

Bàng Uẩn (龐 740-808 đời Đường)

Câu chuyện nổi tiếng về gia đình Bàng Uẩn (龐 740-808 đời Đường) người ở Tương Châu 湘 nay là thành phố Tương Dương 湘 tỉnh Hồ Bắc 湘 cũng chứng tỏ sinh tử tự do, không bị trói buộc. Sự trói buộc chỉ là thế lưu bố tướng (thói quen tướng tượng đã phổ biến qua nhiều đời) chứ không phải tuyệt đối chân thật.

Bàng Uẩn là một người giàu có, có vợ cùng với một gái tên Linh Chiếu 靈 và một trai tên Bàng Đại 龐 . Ông cảm thấy tài sản là trói buộc, giống như cục nợ, nên đã đem toàn bộ tài sản đổ hết xuống sông Tương, không giữ lại chút gì, hàng ngày chẻ tre đan sáo cho con gái đem ra chợ bán sống qua ngày. Suy nghĩ của ông thật khác với thói quen trọng tiền bạc, vật chất của con người thời nay. Cả gia đình bốn người đạt được sinh tử tự do, hãy nghe thầy Duy Lực kể trong link dưới đây.

Thiền sư Động Sơn Lương Giới 動山 (807-869 CN) sống vào đời Đường ở tại Hội Khê Chư Tế 會稽 nay thuộc huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang, thọ cụ túc giới năm 21 tuổi. Sư từng gặp Nam Tuyên Phổ Nguyên 南宣普 , thiền sư lĩnh hội ý chỉ Thiền.

Thiền sư Động Sơn Lương Giới vào cuối năm Đại Trung (847-860 Công nguyên là niên hiệu của Đường Tuyên Tông Lý Thầm, 宣宗) sư thực hành thiền pháp tại Nông Sơn. Ngày 21 tháng 3 năm Hàm Thông 咸 thứ 10 (Hàm Thông 860-874CN là niên hiệu của Đường Ý Tông Lý Thôi 懿宗), sư bảo đệ tử cạo

tóc đắp y cho sư và đánh chuông tập hợp đồ chúng. Khai thị xong, sư ngồi kiết già nhập định và lặng lẽ viên tịch.

Thấy vậy các đệ tử khóc lóc không ngớt. Sư Lương Giới bỗng nhiên mở mắt ngồi dậy nói với họ : *“Một người xuất gia tâm lý phải thuần tịnh không phiền tạp, siêu nhiên không ngưng trệ ở một vật mới đúng là người tu hành chân chính. Bây giờ ta muốn đi mà các người tỏ ra bi ai thảm thiết như thế, chẳng phải quá phàm tục sao ?”*

Nói xong ông bèn gọi vị tăng chủ sự lại, bảo ông ta chuẩn bị cơm chay. Một lát sau cơm chay được dọn ra, sư mời các đệ tử cùng dùng bữa. Rồi sư lại nói : *“Ăn cơm chay xong ta lại đi các người đừng có khóc nha !”*

Nhưng tâm lý của mọi người vẫn ái mộ sư Lương Giới, mọi người đồng lòng cầu xin sư một cách khổ não bi ai, xin sư sống thêm một thời gian. Sư miễn cưỡng trước sự cầu xin bi thiết đó nên ở lại bảy ngày. Sau bảy ngày sư Lương Giới lại bảo chủ sự chuẩn bị cơm chay đãi tiệc đồ chúng. Tại bàn ăn sư chỉ vào thức ăn chay nói lớn:

“Bữa tiệc chay này gọi là bữa cơm chay ngu si ” Trong lời nói có ý trách đồ chúng không lo tu hành đạt tới trí bát nhã, không thâm ngộ giáo pháp của Như Lai, rằng không thật có sinh tử, không đi không đến. Qua ngày thứ tám sư Lương Giới lại tắm rửa sạch sẽ, ngồi ngay ngắn mà tịch. Đó là câu chuyện sinh tử tự do, tùy ý sống chết của thiền sư Động Sơn Lương Giới chúng tỏ sự giác ngộ giải thoát.

Ngộ An thiền sư 924-995

Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 7 kể về Ngộ An thiền sư ở chùa Thụy Lộc chuyện xảy ra vào đời Bắc Tống năm 995 Công nguyên.

Ngộ An không rõ tục danh, ông là thiền sư người Phúc Châu, là một tu sĩ thuộc phái Pháp Nhãn thời Bắc Tống, là người kế thừa của Đức Thiệu quốc sư, ông có sự khai ngộ rất đặc biệt, rất hữu duyên với Kinh Lăng Nghiêm. Ông được xưng tụng là người *“Đọc kinh Lăng Nghiêm mà giác ngộ”*.

Ngộ An thiền sư trước khi lâm chung tự mình tắm rửa thật sạch sẽ, thay quần áo sạch. Sau khi tỉnh tọa một hồi bèn tự mình vào nằm trong quan tài, dậy nắp lại. Qua ba ngày, các đệ tử muốn tưởng niệm sư phụ bèn mở nắp áo quan, thấy sư phụ đã chết rồi, mọi người đau buồn khóc lên thống thiết. Lúc đó bỗng nhiên sư phụ ngồi dậy rồi thẳng đường nói với đại chúng:

"Nếu lần sau mà có người nào còn lén mở nắp áo quan thì không phải là đệ tử của ta" Nói xong lại tự vào trong áo quan nằm và lần này thì viên tịch thật. Sư Ngộ An không chỉ đạt được sinh tử tự tại, tức muốn đi lúc nào thì đi, mà còn có khả năng sau khi nhập quan ba ngày, vẫn có thể tùy ý sống lại, điều đó chứng tỏ sống chết chỉ là hiện tượng giả tạo không phải có thật.

Kết luận

Phật hướng dẫn ban đầu cho những người sơ cơ chưa biết gì về thế giới về Phật pháp, họ sống trong mê muội, điên đảo mộng tưởng, nên phải dùng lời nói để thuyết. Người đời sau ghi chép lại lời Phật thuyết thành kinh điển văn tự. Khi ghi chép như vậy thì vướng vào văn tự, ngữ nghĩa của văn tự chỉ có một chiều là xác định trong khi thực tế là bất định (vô sở trụ).

Còn diễn đạt theo kiểu hai chiều, ví dụ "*Thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp*" hoặc "*Chúng sinh, tức phi chúng sinh, thị danh chúng sinh*" người đời không thể hiểu nổi. Còn diễn đạt theo kiểu nhiều chiều như Tứ liệu giản 四句偈 hoặc 四句偈 của Lâm Tế Nghĩa Huyền thì càng rắc rối hơn nữa. Nhưng thực tế vốn dĩ là phức tạp như vậy chứ không đơn giản như các vị sư giảng về Phật pháp cho đám đông tín đồ nghe.

Đám đông đó không bao giờ có thể giác ngộ được vì rơi vào biên kiến (lệch một bên) mà biên kiến tức là nhị nguyên, là tà kiến thì làm sao giác ngộ được. Cho nên cuối cùng tín đồ phải buông giáo môn và chuyển qua thiền môn thì mới có thể giác ngộ kiến tính.

Các nhà khoa học lượng tử ngày nay đã hiểu được thực tế là phức tạp đa đoan. Lượng tử là vô sở trụ, nó không trụ ở 0, không trụ ở 1, không phải vừa 0 vừa 1, cũng không phải phi 0 phi 1, nó là vô sở trụ giống như Tứ liệu giản của Lâm Tế. Họ sáng chế ra bit lượng tử (qubit), chế tạo máy tính lượng tử, ứng dụng tính vô sở trụ của lượng tử và đạt được ưu thế lượng tử (quantum advantage còn gọi là quantum supremacy) vô cùng ấn tượng so với máy tính điện tử.

Tháng 10-2019 Máy tính lượng tử Sycamore của Google đạt được ưu thế lượng tử so với máy tính điện tử, nó có thể giải quyết một vấn đề toán học hóc búa trong vòng 200 giây, bài toán khó đến mức siêu máy tính Summit nhanh nhất thế giới của IBM phải mất 10.000 năm mới giải được.

Tháng 10-2021 TQ đã công bố máy tính lượng tử Tổ Xung Chi (Zuchongzhi 祖冲之) lấy theo tên một nhà toán học TQ thời Nam Bắc Triều. Nó sở hữu hệ thống 66 qubit nếu so với 54 qubit của siêu máy tính lượng tử Sycamore của Google.

Đồng thời các qubit của Zuchongzhi cũng có phần khác biệt so với của Sycamore khi nó sử dụng qubit quang tử thay vì qubit siêu dẫn (phải đặt hệ thống ở nhiệt độ âm 273 độ C), điều này giúp nó có sức mạnh và lợi thế tốt hơn. Khả năng của Tổ Xung Chi nhanh gấp 10 triệu lần siêu máy tính nhanh nhất thế giới năm 2021 là Fugaku của Nhật.

Ngoài ra tờ South China Morning Post ngày 26-10-2021 dẫn thông tin từ nhóm nghiên cứu cho biết máy tính lượng tử Cửu Chương-2 (Jiuzhang-2 九章) sử dụng 113 qubit có thể thực hiện một phép tính lượng tử được gọi là lấy mẫu boson Gaussian quy mô lớn (GBS) nhanh hơn 1 triệu tỉ lần (1 septillion = 1.000.000.000.000.000.000.000.000) so với siêu máy tính nhanh nhất thế giới năm 2021 Fugaku của Nhật.

Tóm lại về mặt tâm linh thì tính không vô sở trụ là giác ngộ giải thoát đạt được sinh tử tự do như các vị thiền sư kiến tính đã chứng tỏ. Về mặt khoa học kỹ thuật thì tính không vô sở trụ đem lại những hiệu ứng to lớn trong đời sống thực tế hàng ngày chẳng hạn máy tính lượng tử là niềm hy vọng để đạt tới viễn tải lượng tử (quantum teleportation) đi xa không giới hạn và không mất thời gian.

Hoặc chế tạo máy in 3D lượng tử có thể in ra lương thực thực phẩm và tất cả mọi thứ hàng tiêu dùng của con người. Phật pháp và Khoa học cũng là bất nhị chứ không phải Phật pháp chỉ là tâm linh còn Khoa học là duy vật, hai con đường khác nhau và không thể gặp nhau như nhiều người suy nghĩ. Suy nghĩ như vậy là trái với nguyên lý bất nhị của Phật pháp.

Nguồn link gốc: Thư viện Hoa Sen